

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**
Bản án số: 85/2023/HS-ST

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày 10 - 11- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hường

Ông Tô Quang Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Sâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2023/TLST-HS, ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/10/1975 tại **thành phố B, tỉnh Bắc Giang**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**; chỗ ở trước khi bị bắt: **Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Quốc L** (đã chết) và bà **Lương Thị Đ** (sinh năm 1944); có chồng là **Phạm Văn H** (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/5/2023; tạm giam từ ngày 30/5/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn** đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Đỗ Thị T1**, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm B, thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; chỗ ở trọ: **Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**, vắng mặt.

2. Chị **Sầm Thị B**, sinh năm 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn G, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**, vắng mặt.

3. Ông **Đàm Văn M**, sinh năm 1977; trú tại: **Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**, vắng mặt.

4. Anh **Hứa Văn D**, sinh năm 1986; trú tại: **Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**, vắng mặt.

5. Bà **Lăng Thúy N**, sinh năm 1980; địa chỉ: **Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**, vắng mặt.

- Người chứng kiến: Ông **Phùng Đức T2**, địa chỉ: **Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 20 phút ngày 26/5/2023, tổ công tác **Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn** tiến hành kiểm tra **Nhà nghỉ B1** thuộc **khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**, phát hiện tại 02 phòng 101 và 104 của nhà nghỉ đang có 02 đôi nam nữ thực hiện hành vi mua bán dâm gồm:

Phòng 101: **Sầm Thị B** (sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: **Thôn G, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**) là gái bán dâm; **Hứa Văn D** (sinh năm 1986, trú tại: **Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**) là người mua dâm.

Phòng 104: **Đỗ Thị T1** (sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: **Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận**) là gái bán dâm; **Đàm Văn M** (sinh năm 1977, trú tại: **Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**) là người mua dâm.

Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, thu giữ của **Nguyễn Thị T 01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu I PHONE 14 PRO MAX, số IMEI 1: 354466591777292, số IMEI 2: 354466591989202, màu vàng, đã qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH150I, biển kiểm soát: 29X5 - 36128, màu trắng đen, số khung: 143XFY030148, số máy: KF14E0130199, đã qua sử dụng. Thu giữ của **Sầm Thị B 01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu RED MI 10C, số IMEI 1: 864763065710582/00, số IMEI 2: 864763065710590/00, màu đen, đã qua sử dụng. Thu giữ của **Đỗ Thị T1 01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y3S, số IMEI 1: 865701059785110, số IMEI 2: 865701059786102, màu xanh, đã qua sử dụng. Thu giữ của **Đàm Văn M** số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng. Thu giữ 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng, 02 (hai) vỏ bao cao su; 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng tại phòng 101 và 104 **nhà nghỉ B1**.

Căn cứ lời khai của các đối tượng và tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn** đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với **Nguyễn Thị T**

(sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: **Thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**) về hành vi Chứa mại dâm.

Tại Cơ quan điều tra, đã làm rõ: Khoảng tháng 3/2022, **Nguyễn Thị T** thuê 01 phòng trọ của bà **Lăng Thị T3** tại mặt **đường Q** thuộc **quận G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn** để ở và mở cửa hàng bán cafe. Đến tháng 01/2023 do quán vắng khách, không có thu nhập nên **T** tìm, gọi **Sầm Thị B** và **Đỗ Thị T1** về làm gái bán dâm. **Nguyễn Thị T** thuê 01 phòng trọ của bà **Lăng Thúy N** tại **thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn** cho **Sầm Thị B, Đỗ Thị T1** ở, **T** chi trả tiền ăn uống, sinh hoạt hàng ngày, tiền trọ cho **Sầm Thị B** và **Đỗ Thị T1**. Hàng ngày **Nguyễn Thị T** bán nước tại quán cafe cạnh **đường Q**. Khi khách đến uống nước có nhu cầu mua dâm thì **T** điều hành, chỉ đạo, bố trí phòng nghỉ để **Sầm Thị B, Đỗ Thị T1** bán dâm cho khách tại các nhà nghỉ gần quán nước của **T** hoặc bán dâm ngay tại phòng trọ mà **Nguyễn Thị T** đã thuê cho **Sầm Thị B** và **Đỗ Thị T1**. Mỗi lần bán dâm **T** yêu cầu **Bé, T1** thu của khách mua dâm số tiền như sau: Khách mua dâm đi theo lượt, nếu khách không trả tiền phòng nghỉ thì thu 400.000 đồng/lượt, khách tự trả tiền phòng nghỉ thì thu 300.000 đồng/lượt. Khách mua dâm đi qua đêm, nếu khách không trả tiền phòng nghỉ thì thu 1.200.000 đồng/lượt, khách tự trả tiền phòng nghỉ thì thu 1.000.000 đồng/lượt. Số tiền bán dâm cho khách, gái bán dâm hưởng 50%, số còn lại **Nguyễn Thị T** hưởng lợi.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/5/2023, **Đàm Văn M** và **Hứa Văn D** đến quán của **Nguyễn Thị T** uống nước và rủ nhau mua dâm. **Đàm Văn M** đi đến gặp **T** hỏi mua dâm, **T** đồng ý. Sau đó **T** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29X5 - 361.28 đến phòng trọ tại **thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn** đón **Sầm Thị B** và **Đỗ Thị T1**. **T** chở **B** và **T1** đến **nhà nghỉ B1** thuộc **Khu G, thị trấn Đ, huyện C**. Đến nơi **T** bảo **B, T1** vào chờ khách còn **Thúy** đi về quán cafe thông báo với **Đàm Văn M, Hứa Văn D** về việc gái bán dâm đang chờ tại **nhà nghỉ B1**. **Đàm Văn M, Hứa Văn D** cùng nhau đi đến nhà nghỉ trên.

Do trước đó ngày 24/5/2023, **Nguyễn Thị T** đã sắp xếp cho **Đàm Văn M, Hứa Văn D** mua dâm cùng **Sầm Thị B, Đỗ Thị T1** với giá 400.000 đồng/lượt khách mua dâm, nên trong buổi chiều ngày 26/5/2023, khi thấy **M** và **D** đến **nhà nghỉ B1**, **B** và **T1** nhận ra đây là khách mua dâm. **Đỗ Thị T1** đến quầy lễ tân gặp **Triệu Thị L1** là nhân viên của nhà nghỉ để lấy phòng. Sau đó, **Sầm Thị B** đưa **Hứa Văn D** vào phòng số 101, **Đỗ Thị T1** đưa **Đàm Văn M** vào phòng 104 của nhà nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm với giá tiền 400.000 đồng/lượt khách mua dâm. Đến 17 giờ 20 phút cùng ngày, tổ công tác của **Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn** tiến hành kiểm tra, phát hiện 02 đôi nam nữ **Sầm Thị B** cùng **Hứa Văn D, Đỗ Thị T1** cùng **Đàm Văn M** đang thực hiện hành vi mua bán dâm.

Tại bản Kết luận giám định số 637/KL-KTHS ngày 12/6/2023 của **Phòng K Công an tỉnh L** kết luận toàn bộ số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam niêm phong trong phong bì gửi giám định đều là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 06/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo **Nguyễn Thị T** về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c, khoản 2, Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Thị T** khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai biết hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với mục đích hưởng lợi. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Chứa mại dâm”, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì hoàn cảnh bị cáo khó khăn.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I PHONE 14 PRO MAX, số IMEI 1: 354466591777292, số IMEI 2: 354466591989202, màu vàng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo **Nguyễn Thị T**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI 10C, số IMEI 1: 864763065710582/00, số IMEI 2: 864763065710590/00, màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của **Sầm Thị B**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y3S, số IMEI 1: 865701059785110, số IMEI 2: 865701059786102, màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của **Đỗ Thị T1**; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH150I, biển kiểm soát: 29X5 - 36128, màu trắng đen, số khung: 143XFY030148, số máy: KF14E0130199, đã qua sử dụng thu của bị cáo **Nguyễn Thị T** vì đây là các phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng, 02 (hai) vỏ bao cao su; 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng là tang vật vi phạm. Đối với số tiền 800.000 (tám trăm nghìn đồng) thu giữ của **Đàm Văn M** liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Truy thu đối với bị cáo **Nguyễn Thị T** số tiền 300.000 đồng do ngày 24/5/2023 phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội, nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Sầm Thị B](#), [Đỗ Thị T1](#), [Đàm Văn M](#), [Hứa Văn D](#), [Lăng Thúy N](#) được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với tang vật bị thu giữ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì thắc mắc đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp bản Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở xác định: Hồi 17 giờ 20 phút ngày 26/5/2023, tại [Nhà nghỉ B1](#) thuộc [khu G](#), [thị trấn Đ](#), [huyện C](#), [tỉnh Lạng Sơn](#), tổ công tác [Công an huyện C](#) qua kiểm tra phát hiện tại 02 phòng 101 và 104 của nhà nghỉ đang có 02 đôi nam nữ thực hiện hành vi mua bán dâm. Người sắp xếp, bố trí địa điểm ăn, ở, phương tiện để cho 02 gái mại dâm bán dâm là bị cáo [Nguyễn Thị T](#). Trước đó, ngày 24/5/2023, bị cáo [Nguyễn Thị T](#) cũng đã sắp xếp, bố trí địa điểm cho [Sầm Thị B](#) và [Đỗ Thị T1](#) thực hiện hành vi mua bán dâm với 02 người tại khu nhà trọ do [Nguyễn Thị T](#) thuê cho [Sầm Thị B](#) và [Đỗ Thị T1](#). Hành vi của bị cáo [Nguyễn Thị T](#) đã cấu thành tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo [Nguyễn Thị T](#) theo tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

4] Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý Nhà nước về phòng chống mại dâm, làm ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, nếp sống văn hóa của xã hội. Bị cáo có hành vi chứa mại dâm vào 02 ngày 24/5/2023 và ngày 26/5/2023, thuộc trường hợp "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo [Nguyễn Thị T](#) về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc bố trí chỗ ăn, ở cho gái mại dâm, dùng địa điểm đó để người khác mua, bán dâm và tạo điều kiện cho 02 chị [Sầm Thị B](#), [Đỗ Thị T1](#) mua bán dâm cho khách là hành vi vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân,

muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp, xem thường pháp luật, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi mà bị cáo đã gây ra. Hành vi của bị cáo thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông nội là **Nguyễn Văn L2** là liệt sĩ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; bị cáo hoàn cảnh một mình nuôi 02 con, trong đó có 01 con bị mắc bệnh não bẩm sinh được hưởng chế độ của Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[9] Về hình phạt chính, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần xử phạt bị cáo với mức án phù hợp với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ (01 tình tiết tại khoản 1 Điều 51; 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự) nên khi lượng hình Hội đồng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo hưởng mức án đầu khung hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì ngoài hình phạt chính thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng". Hội đồng xét xử thấy bị cáo là không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn thể hiện tại Biên bản xác minh tại địa phương ngày 19/6/2023 nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I PHONE 14 PRO MAX, số IMEI 1: 354466591777292, số IMEI 2: 354466591989202, màu vàng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo **Nguyễn Thị T**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI 10C, số IMEI 1: 864763065710582/00, số IMEI 2: 864763065710590/00, màu đen, đã qua sử dụng, thu giữ của **Sầm Thị B**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y3S, số IMEI 1: 865701059785110, số IMEI 2: 865701059786102, màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của **Đỗ Thị T1** vì bị cáo **Nguyễn Thị T**, các chị **Sầm Thị B**, **Đỗ Thị T1** sử dụng liên lạc với nhau, là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Đối với

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH150I, biển kiểm soát: 29X5-36128, màu trắng đen, số khung: 143XFY030148, số máy: KF14E0130199, đã qua sử dụng thu của bị cáo **Nguyễn Thị T** bị cáo sử dụng đưa đón các chị **Sầm Thị B**, **Đỗ Thị T1** đến chỗ bán dâm, vi phạm phạm pháp luật nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng, 02 (hai) vỏ bao cao su; 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng là tang vật vi phạm cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 800.000 (tám trăm nghìn đồng) thu giữ của **Đàm Văn M** liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Truy thu đối với bị cáo **Nguyễn Thị T** số tiền 300.000 đồng do ngày 24/5/2023 phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Thị T** bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Đối với bà **Lăng Thị T3**, bà **Lăng Thúy N** không biết việc bị cáo **Nguyễn Thị T** thuê cơ sở kinh doanh, thuê phòng trọ, phòng nghỉ để hoạt động mại dâm nên không Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý hình sự đối với những người này.

[16] Đối với chị **Đỗ Thị T1**, chị **Sầm Thị B** có hành vi bán dâm, các ông **Đàm Văn M**, **Hứa Văn D** là người mua dâm. Hành vi của **T1**, **B**, **M**, **D** không cấu thành tội phạm, **Công an huyện C** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những người này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 05 (năm) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 26/5/2023.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Thị T**.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I PHONE 14 PRO MAX, số IMEI 1: 354466591777292, số IMEI 2: 354466591989202, màu vàng, đã qua sử dụng của bị cáo **Nguyễn Thị T**;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH150I, biển kiểm soát: 29X5 - 36128, màu sơn trắng đen, số khung: 143XFY030148, số máy: KF14E0130199, đã qua sử dụng của bị cáo **Nguyễn Thị T**;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI 10C, số IMEI 1: 864763065710582/00, số IMEI 2: 864763065710590/00, màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của chị **Sầm Thị B**;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y3S, số IMEI 1: 865701059785110, số IMEI 2: 865701059786102, màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của chị **Đỗ Thị T1**.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng, 02 (hai) vỏ bao cao su; 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 (tám trăm nghìn đồng) thu giữ của ông **Đàm Văn M**.

(cụ thể, chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn)

- Truy thu đối với bị cáo **Nguyễn Thị T** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc bị cáo **Nguyễn Thị T** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký)**

Lương Thị Mỹ Hạnh